| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **1412/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2019.
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Đặng Văn Ẩn.

2.Ông Nguyễn Thanh Bình.

***Thư ký phiên tòa***: Ông Quách Minh Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019. Về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: D5/22 khu phố 4, thị trấn Tân Túc, huyện Bình ChA, TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: D5/18 khu phố 4, thị trấn Tân Túc, huyện Bình ChA, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 3 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày**:

Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2005, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01/2004 do UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau cấp ngày 21/02/2005, thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có hai con chung, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm

trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà A yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Nguyễn Văn Luân, sinh ngày 22/02/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày 04/8/2010, bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

***Tại biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai – Ông Nguyễn Văn T trình bày:*** Ông Nguyễn Văn T xác nhận bắt đầu chung sống kết hôn với bà Nguyễn Thị A vào năm 2005, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau cấp ngày 21/02/2005, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, nay bà A yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T, ông T không đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Nguyễn Văn Luân, sinh ngày 22/02/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày 04/8/2010, Nếu Tòa án cho ly hôn ông T yêu cầu con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đA giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

***[1]. Về tố tụng:***

[1.1].Bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2].Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn T, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***[2]. Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 110, quyển số 01/2004 do UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau cấp ngày 21/02/2005, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T cùng xác nhận là đời sống chung giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Ông Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn với bà A, ông cho rằng còn thương yêu vợ con nên muốn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, ông và bà A đã sống ly thân từ lâu, cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau, ông T thừa nhận có bạo lực gia đình, thường xuyên chửi mắng bà A tại nơi làm việc; kể từ khi bà A có đơn yêu cầu ly hôn thì ông cũng không có một hành động, kế hoạch cụ thể nào để hàn gắn tình cảm gia đình. Do đó, yêu cầu đoàn tụ gia đình của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung "Mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà A thì UBND thị trấn Tân Túc không nắm rõ". Tuy nhiên qua sự thừa nhận của các đương sự thì tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn

với ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị A cùng xác nhận có hai người con chung tên là Nguyễn Văn Luân, sinh ngày 22/02/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày 04/8/2010, Ông Nguyễn Văn T yêu cầu con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, đồng thời tại bản ghi nhận ý kiến trẻ Thiên Kim thì trẻ Kim có mong muốn là được ở với mẹ. Xét bà A là người trực tiếp nuôi hai con từ nhỏ cho đến nay. Để ổn định sự phát triển của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của các trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao trẻ Thiên Kim cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T cùng xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Aphải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A đối với ông Nguyễn Văn T.

Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T chấm dứt cũng như Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01/2004 do UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau cấp ngày 21/02/2005 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày 04/8/2010 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.Về tài sản chung; nợ chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T cùng xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị A chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0015361 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình ChA (2);
- Chi cục THADS H. Bình ChA (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Chiến**

| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

***

Vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1.

2.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019. Về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: D5/22 khu phố 4, thị trấn Tân Túc, huyện Bình ChA, TP. Hồ Chí Minh. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: D5/18 khu phố 4, thị trấn Tân Túc, huyện Bình ChA, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,**
**QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

*Biểu quyết: /3*

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A đối với ông Nguyễn Văn T.

Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T chấm dứt cũng như Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01/2004 do UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau cấp ngày 21/02/2005 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày 04/8/2010 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.Về tài sản chung; nợ chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T cùng xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị A chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0015361 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình ChA, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Biểu quyết: /3*

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 2019.
Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**